

**TAND HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HS –ST

Ngày: 12 – 01 – 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Quang Toại;
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Chí Cường và ông Nguyễn Minh Sơn.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Duy - Cán bộ Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị H – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 12 tháng 01 năm 2018 tại Phòng xử án – Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2017/HSST ngày 17 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2017/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2017/QĐST-HS ngày 27/12/2017, đối với bị cáo:

Họ và tên: **TRƯƠNG VĂN T** – Sinh ngày 11 tháng 11 năm 1994 tại tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn Ph, xã H, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Nghề nghiệp: Lái xe ba gác

Trình độ học vấn: 0/12

Quốc tịch: Việt Nam

Tôn giáo: Thiên chúa giáo

Dân tộc: Kinh.

Giới tính: Nam

Con ông Trương Văn B (chết) và bà Dương Thị Tr ở tại thôn Ph, xã H, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 04 (bốn) tháng tù về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” theo bản án số: 140/HSPT ngày 22/8/2012 và bị Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” theo Bản án số: 80/HSST ngày 28/8/2012; đã chấp hành xong hai bản án và thuộc trường hợp đương nhiên xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/7/2017 đến ngày 30/10/2017 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh, bị Tòa án bắt tạm giam lại vào ngày 25/12/2017. Bị cáo đang giam và có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Võ Đức Đ, sinh năm 1984; có mặt.

Nơi cư trú: Xóm 1, thôn Ph, xã H, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Văn H1, sinh năm 1971 cùng vợ là chị Phạm Thị N, sinh năm 1971; vắng mặt theo đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ghi ngày 27/12/2017.

Nơi cư trú: Thôn PH, xã Tr, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở: Thôn VT, xã H, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người làm chứng:

+ Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1990; vắng mặt.

+ Anh Dương Thanh H2, sinh năm 1994; vắng mặt.

Đều nơi cư trú: Thôn Ph, xã H, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 28/7/2017, Trương Văn T ngồi nhậu cùng với anh H3, anh K (không rõ họ, ở cùng thôn) và một người phụ nữ (không rõ họ tên, địa chỉ) tại quán ăn HN của vợ chồng anh Lê Văn H, chị Phạm Thị N ở thôn VT, xã H, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Tại đây, Trương Văn T gặp Nguyễn Văn T2, sinh năm 1990, Võ Đức Đ, sinh năm 1984 và Dương Thanh H2, sinh năm 1994; đều trú tại thôn Ph, xã H, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi cũng đang uống bia cùng quán. Do quen biết nên Trương Văn T mời Nguyễn Văn T2 uống một lon bia. Sau khi uống xong, Nguyễn Văn T2 về lại bàn tiếp tục ngồi uống với Võ Đức Đ và Dương Thanh H2. Đến khoảng 21 giờ 45 phút cùng ngày, Trương Văn T cầm ly bia qua bàn của Nguyễn Văn T2 mời lại thì trong bàn có người nói *“ở đây không có bia uống hay sao mà mang ly bia qua, uống hết ly bia đi rồi hãy mời”*. Nghe vậy, Trương Văn T cầm ly bia trên tay ném vào bụi cây gần đó rồi quay lại bàn nhậu của T. Một lúc sau, ba người cùng nhậu với Trương Văn T về trước còn T ngồi nhậu một mình khoảng 10 phút sau tính tiền ra về. Khi bị cáo đi ngang qua bàn nhậu của Nguyễn Văn T2 thì Nguyễn Văn T2 nói: *“Vào đây uống ly, lúc này anh em nói đùa mà mày làm gì lạ vậy”*, nhưng Trương Văn T nói *“Vừa rồi tao qua mời mà không uống thì thôi”*. Lúc này, Võ Đức Đ vừa đi vệ sinh vào và nói với Nguyễn Văn T2 *“Nó không uống thì thôi”*, đồng thời nhìn về phía Trương Văn T đang đứng. T thấy anh Võ Đức Đ nhìn mình thì có nói: *“Ông nhìn gì mà nhìn, ông cũng chỉ là thằng uống bóm thôi”*, nghe Trương Văn T nói vậy thì Võ Đức Đ đứng lên đi đến chỗ T dùng tay đánh vào mặt và lưng của T nhưng không gây thương tích. Bực tức vì bị anh Võ Đức Đ đánh, Trương Văn T chạy về phía tủ bán hàng của quán HN lấy một con dao dài 40cm chạy đến chém Võ Đức Đ. Lúc

đó, anh Đ nhìn thấy T chạy vào tủ bán hàng của quán HN lấy dao thì anh Đ bỏ chạy ra khỏi quán bị va vào xe mô tô để trước quán dẫn đến té ngã ngửa xuống đường. Cùng lúc, Trương Văn T chạy đến dùng dao chém vào người của Võ Đức Đ gây thương tích rồi bỏ về đến sáng ngày 29/07/2017 ra đầu thú và bị bắt tạm giữ, tạm giam.

Anh Võ Đức Đ được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa Quảng Ngãi cấp cứu và điều trị đến ngày 03/08/2017 xuất viện chuyển về Bệnh viện Đa khoa Dung Quất nằm điều trị dưỡng thương đến ngày 09/08/2017 thì xuất viện.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 103/2017/GDPY ngày 03/08/2017 của Phòng Giám định pháp y - Bệnh viện đa khoa Quảng Ngãi kết luận thương tích của Võ Đức Đ cụ thể như sau: Vết thương cổ phải kích thước (7 x 0,1) cm; Vết thương cạnh ức phải nằm ngang kích thước (7 x 0,1) cm; Vết thương vùng ngực phải nằm xiên kích thước (13 x 0,1) cm; tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là: 12% (*Mười hai phần trăm*).

Tại phiên tòa, bị cáo Trương Văn T khai nhận đúng hành vi phạm tội của mình như trên và nhận tội dùng hung khí là con dao gây thương tích cho anh Võ Đức Đ.

Trong giai đoạn điều tra, người bị hại anh Võ Đức Đ và bị cáo Trương Văn T đã thỏa thuận khoản tiền bị cáo T phải bồi thường cho anh Đ số tiền 6.025.000đồng theo Biên bản làm việc ngày 19/9/2017 (BL số 38), bao gồm chi phí điều trị, tiền cước phí đi lại, tiền công không lao động được của bị cáo và người nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường dân sự như trên.

Tại Bản cáo trạng số 42/QĐ – VKS, ngày 15/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo Trương Văn T về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 104 Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trương Văn T về tội “*Cố ý gây thương tích*” và đề nghị:

Áp dụng điều luật: Khoản 2 (điểm a khoản 1) Điều 104, điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 33 Bộ luật hình sự 1999; khoản 3 Điều 7; điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và điểm h, i khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Đề nghị mức án: Xử phạt Trương Văn T từ 24 đến 30 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và bị hại, bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho anh Võ Đức Đ số tiền: 6.025.000đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao dài 40 cm, phần cán bằng gỗ tròn dài 15cm, phần lưỡi dẹt dài 25

cm, màu trắng, mũi bằng thuộc sở hữu của vợ chồng anh Lê Văn H, chị Phạm Thị N, vì vợ chồng anh H, chị N không yêu cầu nhận lại.

Ý kiến bào chữa, tranh luận của bị cáo: Bị cáo không bào chữa cũng như tranh luận về điều luật áp dụng, tội danh, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn.

Ý kiến của người bị hại:

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Về dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bị cáo bồi thường cho anh Đ số tiền 6.025.000 đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin giảm nhẹ hình phạt để sớm về lo cho mẹ già bị đau ốm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; người tham gia tố tụng khác cung cấp là phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] *Xét tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng:* Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ áp dụng, thay đổi biện pháp ngăn chặn (tạm giữ, tạm giam) của Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp.

[3] *Xét các chứng cứ buộc tội, gỡ tội đối với bị cáo:* Tại phiên tòa, bị cáo Trương Văn T khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 21 giờ 45 phút ngày 28/7/2017, bị cáo Trương Văn T đang ngồi uống bia cùng ba người bạn tại quán ăn HN của vợ chồng anh Lê Văn H, chị Phạm Thị N tại thôn VT, xã H, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Lúc đó, trong quán cũng có Nguyễn Văn T2 cùng Võ Đức Đ và Dương Thanh H2 đang ngồi nhậu bàn bên cạnh. Bị cáo Trương Văn T cầm ly bia qua bàn của Nguyễn Văn T2 mời bia thì trong bàn của T2 có người nói “ở đây không có bia uống hay sao mà mang ly bia qua, uống hết ly bia đi rồi hãy mời”. Nghe vậy, Trương Văn T cầm ly bia trên tay ném vào bụi cây gần đó rồi quay lại bàn nhậu cùng hai người bạn của bị cáo T. Một lúc sau, ba người bạn của Trương Văn T về trước còn bị cáo ngồi nhậu một mình khoảng 10 phút sau tính tiền đi về. Khi bị cáo đi ngang qua bàn của Nguyễn Văn T2 thì T2 nói: “Vào đây uống ly, lúc nãy anh em nói đùa mà mày làm gì lạ vậy”, nhưng bị cáo nói “Vừa rồi tao qua mời mà không uống thì thôi”. Lúc này,

Võ Đức Đ ngồi chung bàn với Nguyễn Văn T2 có nói với Nguyễn Văn T2 “*Nó không uống thì thôi*”, đồng thời nhìn về phía Trương Văn T đang đứng, thấy Võ Đức Đ nhìn mình thì bị cáo nói: “*Ông nhìn gì mà nhìn, ông cũng chỉ là thằng uống bảm thôi*”. Khi nghe bị cáo nói vậy, Võ Đức Đ đứng lên đi đến chỗ Trương Văn T dùng tay đánh vào mặt và lưng của bị cáo. Bực tức trước hành động của Võ Đức Đ, Trương Văn T chạy về phía tủ bán hàng của chị Phạm Thị N lấy 01 con dao dài 40cm chạy đến chém anh Võ Đức Đ. Lúc này, anh Đ đi lùi ra khỏi quán nên va vào xe mô tô để trước quán dẫn đến té ngã ngửa xuống đường, ngay lúc đó bị cáo Trương Văn T dùng dao chém nhiều nhát vào người của Võ Đức Đ gây thương tích rồi bỏ về đến sáng ngày 29/07/2017 ra đầu thú. Bị cáo không nhớ rõ chém anh Đ bao nhiêu nhát nhưng thừa nhận các vết thương trên cơ thể của bị hại là do bị cáo gây ra.

[3] *Xét các chứng cứ về khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo*: Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của bị cáo Trương Văn T phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai người làm chứng, kết luận giám định pháp y về thương tích số: 103/2017/GDPY ngày 03/08/2017 của Phòng Giám định pháp y - Bệnh viện đa khoa Quảng Ngãi kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của Võ Đức Đ do thương tích gây nên là: 12% (*Mười hai phần trăm*) cũng như các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo Trương Văn T đủ yếu tố cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*”. Bị cáo dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho anh Võ Đức Đ nên áp dụng tiêu mục 2.2 mục 2 Phần I Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 và tiêu mục 3.1, mục 3 phần I Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự. Bị cáo gây thương tích cho anh Đ 12 % nên đủ cơ sở định khung hình phạt theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự 1999 như Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 quy định khung hình phạt đối với hành vi phạm tội của bị cáo nhẹ hơn 01 năm (từ 02 năm đến 06 năm) nên Hội đồng xét xử cần áp dụng quy định của pháp luật có lợi cho bị cáo được quy định tại khoản 3 Điều 7, điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14; điểm b khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội; khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; điểm b khoản 1, điểm h, i khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội xét xử bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] *Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội*: Hành vi phạm tội do bị cáo Trương Văn T gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sức khỏe của anh Võ Đức Đ. Mặc dù, bị cáo dùng dao chém anh Đ tại vùng trọng yếu trên cơ thể (vùng cổ) khi anh Đ bị té ngã, nhưng động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo là gây thương tích cho anh Võ Đức Đ do tức giận khi bị anh Đ đánh vào mặt và lưng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi

nhưng xem thường pháp luật, không những xâm phạm sức khỏe của người khác (anh Đ) mà còn gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa bàn xã H nói riêng và huyện Bình Sơn nói chung. Bị cáo có nhân thân không tốt, đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 04 (bốn) tháng tù về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” theo bản án số: 140/HSPT ngày 22/8/2012 và bị Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” theo Bản án số: 80/HSST ngày 28/8/2012; đã chấp hành xong hai bản án và thuộc trường hợp đương nhiên xóa án tích. Bị cáo đã được cải tạo, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt tù nhưng không biết ăn năn, hối cải mà lại tiếp tục phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”, qua đó thể hiện bị cáo không có ý thức chấp hành pháp luật nên cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] *Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo*: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, bản thân người bị hại cũng có một phần lỗi là dùng tay đánh vào mặt và lưng của bị cáo trước dẫn đến bị cáo mới gây thương tích cho người bị hại, sau khi phạm tội đã tự giác ra đầu thú nên Hội đồng xét xử cần áp dụng điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự và điểm c Mục 5 Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội. Mặc dù, các quy định của pháp luật hình sự có hiệu lực tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có quy định và hướng dẫn các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng nhưng tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 có quy định tình tiết giảm nhẹ mới là “đầu thú” nên Hội đồng xét xử cần áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: Trong giai đoạn điều tra, anh Võ Đức Đ và bị cáo Trương Văn T đã thỏa thuận khoản tiền bị cáo phải bồi thường cho anh Đ là 6.025.000đồng theo Biên bản làm việc ngày 19/9/2017 (BL số 38), trong đó; tiền chi phí điều trị + chi phí đi lại 2.725.000đồng, tiền công không lao động 12 ngày của anh Đ 2.400.000đồng và tiền công không lao động người nuôi dưỡng 06 ngày 900.000đồng. Tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận. Ngoài ra, anh Võ Đức Đ không yêu cầu bồi thường khoản tiền nào khác nên không xem xét.

[7] *Về xử lý vật chứng*: 01 (một) con dao dài 40 cm, phần cán bằng gỗ tròn dài 15cm, phần lưỡi dẹp dài 25 cm, màu trắng, mũi bằng (theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20/11/2017 giữa Công an huyện Bình Sơn với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn) thuộc sở hữu của vợ chồng anh Lê Văn H, chị Phạm Thị N. Anh H, chị N không yêu cầu nhận lại con dao. Hội đồng xét xử xét thấy, con dao này là tang vật của vụ án và không có giá trị sử dụng nên áp

dụng Điều 41 Bộ luật hình sự 1999, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tịch thu tiêu hủy.

[8] *Xét ý kiến đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn*: Đề nghị áp dụng pháp luật, tội danh, tình tiết giảm nhẹ, nhân thân, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng như trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] *Xét ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng của bị cáo*: Ý kiến, lời nói sau cùng của bị cáo là phù hợp về tội danh, về trách nhiệm dân sự là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Về hình phạt, chấp nhận xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo tương ứng với các tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng.

[10] *Về án phí*:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).

Án phí dân sự sơ thẩm: Trước khi mở phiên tòa, giữa bị cáo và người bị hại đã tự thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận nên bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo điểm f khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a khoản 1) Điều 104; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 Bộ luật hình sự 1999; khoản 3 Điều 7; điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a khoản 1) Điều 134, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14; điểm b khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội; khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; điểm h, i khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Tuyên bố bị cáo **Trương Văn T** phạm tội: **“Cố ý gây thương tích”**.

Xử phạt: **Trương Văn T 30 (ba mươi)** tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 25/12/2017 nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/7/2017 đến ngày 30/10/2017.

2. Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa người bị hại anh Võ Đức Đ và bị cáo Trương Văn T về bồi thường thiệt hại như sau: Bị cáo Trương Văn T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại sức khỏe cho anh Võ Đức Đ số tiền **6.025.000 đồng** (*sáu triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án chậm trả tiền thì hàng tháng phải trả lãi suất đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 41 của Bộ luật hình sự 1999 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

Tịch thu huỷ 01 (một) con dao dài 40 cm, phần cán bằng gỗ tròn dài 15cm, phần lưỡi dẹt dài 25 cm, màu trắng, mũi bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20/11/2017 giữa Công an huyện Bình Sơn với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trương Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng). Bị cáo T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (12/01/2018). Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án này kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh, Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Công an, VKSND, CCTHADS huyện B.Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Quang Toại